

Bản án số: **49/2023/KDTM-ST**

Ngày: 25/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hoàng Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **48/2022/TLST-KDTM** ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **148/2023/QĐST-KDTM** ngày 21/8 /2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **125/2023** ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: **Công ty Cổ phần T1**; trụ sở chính: **Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Hà L** - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc T** (Có mặt) - Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 415/UQ-TMHN ngày 15/4/2022)

- **Bị đơn**: **Công ty Cổ phần C**; trụ sở chính: **Số C ngõ F phố L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Tuấn Đ** (Vắng mặt) - Giám đốc; HKTT: **Số C phố N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là **Công ty Cổ phần T1** do ông **Nguyễn Ngọc T** đại diện trình bày:

Ngày 15 tháng 04 năm 2021, Công ty Cổ phần C – Chi nhánh H (Sau đây gọi tắt là **Công ty C**) và Công ty Cổ phần T1 (Sau đây gọi tắt là **Công ty T1**) ký Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN về việc mua bán thép xây dựng. Theo đó, bên mua là Công ty C, bên bán là Công ty Thép. Đối tượng hàng hóa là thép cốt bê tông cán nóng các loại do các **nhà máy H1, Việt Ý, V, V, V, P, Thái Nguyên, V...** sản xuất. Sau khi ký hợp đồng, ngày 04/05/2021, hai bên tiến hành mua bán hàng với tổng giá trị: 719.591.125đồng. Ngày 28/01/2022, Công ty C đã thanh toán số tiền: 200.000.000đồng. Như vậy, đến nay sau lần thanh

toán duy nhất vào ngày 28/01/2022 nói trên, Công ty C còn nợ Công ty CP T1 số tiền hàng là: 519.591.125 đồng. Tại Điều 4 của Hợp đồng quy định về điều khoản thanh toán, theo đó Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán trước hoặc ngay sau khi giao nhận hàng. Trường hợp quá hạn thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn 10%/ năm trong suốt thời gian quá hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn là Công ty C phải thanh toán tổng số tiền là: 653.480.925 đồng (Sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 519.591.125 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/8/2023: 133.889.800 đồng.

NGÀY CẤP HÀNG	TIỀN HÀNG	HẠN THANH TOÁN	THANH TOÁN		SỐ TIỀN NỢ QUÁ HẠN	THỜI GIAN TÍNH		SỐ NGÀY QUÁ HẠN	LÃI TRẢ (10%/ năm)
			Ngày tháng	Số tiền thanh toán		Từ ngày	Đến ngày		
4/5/2021	719,591,125	4/5/2021			719,591,125	5/5/2021	28/1/2022	269	53,032,880
			28/1/2022	200,000,000	519,591,125	29/1/2022	19/8/2023	568	80,856,920
<b>Tổng</b>	<b>719,591,125</b>			<b>200,000,000</b>	<b>519,591,125</b>				<b>133,889,800</b>

Buộc Công ty C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN về việc mua bán thép xây dựng kể từ ngày 20/8/2023 cho đến ngày trả hết nợ.

\*Bị đơn là Công ty Cổ phần C đã được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho Bị đơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 06/9/2023, do Bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 25/9/2023. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ nhưng Công ty C tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần C phải thanh toán trả tổng số tiền là: 658.748.014 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: 519.591.125 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 25/9/2023): 139.156.889 đồng. Buộc Công ty C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền còn phải trả tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng

kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN ngày 15/4/2021. Ngoài ra, Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại chương VI của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 đối với Công ty Cổ phần C. Buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền là: 658.748.014 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: 519.591.125 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 139.156.889 đồng, đồng thời Công ty C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền còn phải trả tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN ngày 15/4/2021. Về án phí: Công ty Cổ phần C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại: Số C ngõ F phố L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền mua hàng còn thiếu của nguyên đơn:** Ngày 15 tháng 04 năm 2021 Công ty Cổ phần C – Chi nhánh H (Công ty C) và Công ty Cổ phần T1 (Công ty T1) ký Hợp đồng kinh tế số 15 HĐKT-TMHN/389 CN về việc mua bán thép xây dựng. Theo đó, bên mua là Công ty Cổ phần C – Chi nhánh H, bên bán là Công ty Cổ phần T1. Đối tượng hàng hóa là thép cốt bê tông cán nóng các loại do các nhà máy H1, Việt Ý, V, V, V, P, Thái Nguyên, V... sản xuất. Sau khi ký hợp đồng, ngày 04/05/2021, hai bên tiến hành mua bán hàng với tổng giá trị là: 719.591.125 đồng (Bảy trăm mười chín triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng). Ngày 28/01/2022, Công ty C đã thanh toán số tiền mua hàng là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Như vậy, Công ty C còn nợ Công ty T1 số tiền hàng là: 519.591.125 đồng (Năm trăm mười chín triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng). Nay Công ty T1 yêu cầu Công ty C phải thanh

toán nốt số tiền hàng còn nợ là 519.591.125 đồng. Về nội dung này, Hội đồng xét xử thấy: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền, hơn nữa các hợp đồng này đã được các bên tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp cho đến khi thanh toán hợp đồng, chốt nợ giữa hai bên nên được xác định là hợp pháp. Công ty C đã thực hiện xong các nội dung theo hợp đồng đã ký kết. Hai bên đã lập bảng tổng hợp giá trị quyết toán, xác định giá trị khối lượng mà Công ty T1 đã hoàn thành, sau đó đã ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình để đưa vào khai thác sử dụng. Hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 04/5/2021. Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty C còn nợ Công ty T1 số tiền là: 519.591.125 đồng, số tiền này đều đã được hai bên thừa nhận nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

**[3] Đối với yêu cầu về lãi suất:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 4 của hợp đồng về phương thức và thời hạn thanh toán. Về yêu cầu này, nhận thấy: Sau khi ký (giao kết) hợp đồng mua bán hàng hóa vào ngày 15 tháng 04 năm 2021, đến ngày 04/05/2021, hai bên đã tiến hành thực hiện mua bán hàng hóa với tổng giá trị là: 719.591.125 đồng, thể hiện tại biên bản giao nhận vật tư ngày 04/5/2021. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng vào cùng ngày. Nhưng tại thời điểm này, bị đơn chưa thanh toán được tiền hàng cho nguyên đơn, vi phạm thời hạn thanh toán quy định tại điểm b Điều 4 của Hợp đồng: “*Thanh toán trước hoặc ngay sau khi giao nhận hàng*”. Xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ nhất vào ngày 05/05/2021. Đến ngày 28/01/2022, bị đơn mới thanh toán được khoản tiền hàng đầu tiên và duy nhất tính đến thời điểm hiện nay là 200.000.000 đồng, còn thiếu số tiền là: 519.591.125 đồng. Xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần thứ hai vào ngày 29/01/2022. Như vậy, theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng về phương thức và thời hạn thanh toán, cụ thể: “*Nếu đến hạn thanh toán mà bên A (Công ty C) chưa thanh toán dứt điểm giá trị tiền hàng cho bên B (Công ty T1) là vi phạm hợp đồng, khi đó bên B có quyền...đồng thời bên A phải chịu lãi suất quá hạn 10 % trong suốt thời gian quá hạn tính trên phần giá trị bên A thanh toán thiếu*”. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng số 15/2016/ngày 15/4/2021, buộc Công ty C phải thanh toán trả cho Công ty T1 số tiền nợ gốc là: 519.591.125 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN ngày 15/4/2021. Công ty Cổ phần C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ còn thiếu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn là Công ty Cổ phần C phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 3, Điều 24, Điều 34, Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;*

*Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;*

*Căn cứ vào Điều 6, Điều 11 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.*

*Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.*

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 đối với Công ty Cổ phần C về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN về việc mua bán thép xây dựng.

Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán trả Công ty Cổ phần T1 tổng số tiền là: 658.748.014 đồng (Sáu trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm mười bốn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc: 519.591.125 đồng và tiền lãi (Tính đến ngày 25/9/2023) là: 139.156.889 đồng. Công ty Cổ phần C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT-TMHN/389 CN ngày 15/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ còn thiếu.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty Cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.349.920 đồng (*Ba mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi đồng*).

Hoàn trả Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền đã nộp là 16.699.856 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0012950 ngày 10/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm.

Công ty Cổ phần T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

***Đặng Hoàng Phương***